TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14/3/2019
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điêu Chính Vĩnh và Vũ Thị Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Tòng Văn Cách - Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Lừ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST- HNGĐ ngày 26/12/2018 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX - ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Là Thị N

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị đơn: Anh Bạc Cầm T

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản K, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Bạc Cầm T

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản K, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; chị Là Thị N trình bày:

Giữa chị và bị đơn là anh Bạc Cầm T tìm hiểu nhau rồi về chung sống với nhau từ năm 2017 và kết hôn ngày 05/01/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; Đến tháng cuối tháng 8 năm 2018 hai vợ chồng đi làm thuê tại tỉnh

Quảng Ninh thì phát sinh mâu thuẫn, nên tôi và anh T đã sống ly thân từ đó đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Bạc Cầm T.

Về con chung: Chị N khai vợ chồng chúng tôi có 01 con chung; cháu Bạc Thị Hương T, sinh ngày 05/12/ 2017, hiện tại cháu đang sống cùng ông bà nội tại Bản K, xã M, huyện Q; chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng không có; nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/02/2019 và biên bản hòa giải ngày 14/02/2019 bị đơn nhất trí ly hôn và xin được trực tiếp nuôi con chung là cháu Bạc Thị Hương T; sinh ngày 05/12/2017 và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con cùng.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo đúng quy định của Luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự của nguyên đơn và bị đơn là đầy đủ đúng theo các Điều 70, 71,72 và Điều 234 của BLTTDS;

Về điều luật: Áp dụng các Điều 55; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Chấp nhận việc thuận tình ly hôn của chị N và anh T.

Về con chung: Giao cháu Bạc Thị Hương T; sinh ngày 05/12/2017 cho chị Nguộc trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị N và anh T kết hôn với nhau năm 2018 tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn; như vậy việc kết hôn của chị N, anh T là hợp pháp. Cuộc sống chung không hòa thuận, mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống hàng ngày, do tính tình không hòa hợp, vợ, chồng thì không tin tưởng nhau. Được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận; nên vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Như vậy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt. Chị N và anh T đều nhất trí thuận tình ly hôn, theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bạc Thị Hương T, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2017 hiện tại cháu đang ở cùng bố và ông bà nội tại: Bản K, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Do cháu T mới 13 tháng 09 ngày tuổi (*Đến ngày xét xử).* Hội

đồng xét xử thấy việc để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là chính đáng và theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị là có căn cứ chấp nhận. Anh T có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3] Tại biên bản xác minh ngày 07/3/2019 về điều kiện kinh tế, thu nhập của anh Bạc Cầm T gồm 03 nhân khẩu và 3.000m^2 đất ruộng trồng lúa 02 vụ ra, 01 ngôi nhà sàn gỗ hai gian, hai trái mái lợp đá, gia đình anh T không có tài sản gì khác cũng như đất sản xuất nào khác (Thu nhập bình quân hàng năm của hộ gia gia đình chỉ từ 13.000 000đ đến 15. 000 000đ/01 người/01 năm). Nên T vẫn phải đi làm thuê ngoài để trang trải cuộc sống hàng ngày, con thì để lại cho ông bà nội nuôi là không đảm bảo được cuộc sống của cháu T.

[4] Tại biên bản xác minh ngày 08/3/2019 về điều kiện kinh tế của chị Là Thị N gồm 04 nhân khẩu và 4.800m^2 đất sản xuất nông nghiệp, 01ngôi nhà sàn gỗ 05 gian mái lợp Prôximang, 01 con bò cái 03 tuổi và 05 lồng cá trung bình mỗi lồng cá nuôi từ 3,5 tạ đến 4 tạ/01 lồng. (Thu nhập bình quân hàng tháng mỗi khẩu là từ 3.000 000đ đến 3.500 000đ/01người/01 tháng). Như vậy; điều kiện kinh tế của chị N ổn định hơn so với anh T. Qua xác mính về điều kiện y tế, văn hóa và trật tự xã hội tại bản cũng đều được đảm bảo.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, nợ riêng không có nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Là Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa; **Chị Là Thị N và anh Bạc Cầm T.**

2. Về con chung: Giao cháu Bạc Thị Hương T, sinh ngày 05/12/2017 cho chị Là Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (18 tuổi); Chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chị Là Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2013/0001718 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Sơn La.

Chị Là Thị N; anh Bạc Cầm T và người liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 14/3/2019;

Nơi nhận:
-Toà án ND Tỉnh;
-VKSND Huyện (02);
-THA dân sự;
-Các đương sự (02);
-Người liên quan;
-Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Bàn Văn Hoàng